

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN BẮC NÀ

**Báo cáo tài chính giữa niên độ
đã soát xét cho kỳ tài chính
từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN BẮC NÀ

**Báo cáo tài chính giữa niên độ
đã soát xét cho kỳ tài chính
từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021**



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN BẮC NÀ

Địa chỉ: Thôn Nậm Thàng, Xã Bản Liền, Huyện Bắc Hà, Tỉnh Lào Cai.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện Bắc Nà (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 đã được soát xét.

THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Điện Bắc Nà được đổi tên từ Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Toàn cầu DATC, được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 01030151480 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/01/2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102141313 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 16/09/2015. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về tên công ty, mã số doanh nghiệp, vốn điều lệ, ngành nghề đã đăng ký kinh doanh và thành phần cổ đông của công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội chuẩn y tại các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần 1 đến lần 12 ngày 26/05/2021.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là EBA. Ngày giao dịch đầu tiên là 31/12/2019.

Vốn điều lệ: 155.000.000.000 đồng

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2021: 155.000.000.000 đồng.

Tru sở hoạt động

Địa chỉ : Thôn Nậm Thàng, Xã Bản Liền, Huyện Bắc Hà, Tỉnh Lào Cai.

Điện thoại : (84) 02142 224 225

Email : toancaudatc@gmail.com

Website : <http://eba.asia/>

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Đặng Quang Đạt : Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Nguyễn Văn Sơn : Thành viên
- Ông Đỗ Tô Hiệu : Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng đã điều hành hoạt động của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Lê Văn Khánh : Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Đình Nghĩa : Kế toán trưởng

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Bà Đồng Bảo Ngọc : Trưởng Ban Kiểm soát : *Bổ nhiệm ngày 06/04/2021*
Ủy viên : *Miễn nhiệm ngày 06/04/2021*
- Ông Vũ Sơn Thủy : Ủy viên : *Bổ nhiệm ngày 06/04/2021*
Trưởng Ban Kiểm soát : *Miễn nhiệm ngày 06/04/2021*
- Ông Nguyễn Đình Phương : Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH kiểm toán BDO đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 của Công ty Cổ phần Điện Bắc Nà.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN BẮC HÀ

Địa chỉ: Thôn Nậm Thàng, Xã Bản Liên, Huyện Bắc Hà, Tỉnh Lào Cai.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này là ông Đặng Quang Đạt - Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ TÀI CHÍNH

Nghị Quyết Đại hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2021 số 19/NQ-ĐHCĐ ngày 28/06/2021 của Công ty đã thông qua việc hủy đăng ký công ty đại chúng, hủy niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội do không đủ số lượng cổ đông. Công ty đã hoàn thiện các thủ tục theo quy định. Ngày 14/07/2021, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có quyết định số 3595/UBCK-GSĐC về hủy tư cách công ty đại chúng của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 của Công ty.

Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

Lào Cai, ngày 05 tháng 08 năm 2021
Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đặng Quang Đạt

Số: 328/2021/BCSX-BDO

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2021

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cổ phần Điện Bắc Hà
cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**Kính gửi: CỘ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN BẮC HÀ**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty cổ phần Điện Bắc Hà (dưới đây được viết tắt là “Công ty”), được lập ngày 05 tháng 08 năm 2021, từ trang 06 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/06/2021, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		26.321.968.769	18.167.982.187
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	69.125.243	122.608.828
1. Tiền	111		69.125.243	122.608.828
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		13.800.000.000	9.500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2.1	13.800.000.000	9.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.161.288.871	8.478.373.359
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.1	10.878.185.922	7.880.901.840
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	20.000.000	545.810.900
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.1	1.263.102.949	51.660.619
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	-	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		291.554.655	67.000.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6.1	291.554.655	67.000.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		425.247.489.644	437.485.023.966
I Tài sản cố định	220		412.419.188.944	423.313.210.120
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	412.419.188.944	423.313.210.120
<i>Nguyên giá</i>	222		499.978.199.972	499.978.199.972
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(87.559.011.028)	(76.664.989.852)
II. Tài sản dài hạn khác	260		12.828.300.700	14.171.813.846
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6.2	12.828.300.700	14.171.813.846
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		451.569.458.413	455.653.006.153

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		253.968.484.426	267.826.908.338
I. Nợ ngắn hạn	310		50.758.374.448	48.616.798.360
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8.1	258.546.275	12.636.364
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9.1	2.053.861.307	979.902.416
4. Phải trả người lao động	314	V.10	231.897.644	867.714.578
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11.1	682.113.020	2.096.391.558
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12.1	549.956.202	680.153.444
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13.1	45.550.000.000	42.545.000.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.432.000.000	1.435.000.000
II. Nợ dài hạn	330		203.210.109.978	219.210.109.978
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13.2	203.210.109.978	219.210.109.978
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		197.600.973.987	187.826.097.815
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	197.600.973.987	187.826.097.815
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		155.000.000.000	155.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		155.000.000.000	155.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.266.117.962	4.266.117.962
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		38.334.856.025	28.559.979.853
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		28.559.979.853	9.504.513.665
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.774.876.172	19.055.466.188
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		451.569.458.413	455.653.006.153

Lập ngày 05 tháng 08 năm 2021

Người lập biểu



Phạm Thị Doan

Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Nghĩa

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Đặng Quang Đạt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	42.634.277.609	36.248.757.778
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		42.634.277.609	36.248.757.778
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	18.535.553.444	16.405.717.629
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.098.724.165	19.843.040.149
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	292.689.238	610.906.279
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	10.781.937.668	13.878.680.568
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>10.781.937.668</i>	<i>13.878.680.568</i>
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	996.971.229	1.185.469.255
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.612.504.506	5.389.796.605
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	VI.6	2.275.143.761	-
13. Lợi nhuận khác	40		(2.275.143.761)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.337.360.745	5.389.796.605
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	562.484.573	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.774.876.172	5.389.796.605
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	631	348

Lập ngày 05 tháng 08 năm 2021

Người lập biểu



Phạm Thị Doan

Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Nghĩa

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Đặng Quang Đạt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10.337.360.745	5.389.796.605
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		10.894.021.176	10.333.165.490
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(292.689.238)	(610.906.279)
- Chi phí lãi vay	06		10.781.937.668	13.878.680.568
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		31.720.630.351	28.990.736.384
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.390.311.676)	(2.451.448.122)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		393.341.051	(2.010.841.199)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.118.958.491	(1.668.228.296)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(12.598.187.204)	(13.560.158.918)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	(110.000.000)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		17.241.431.013	9.190.059.849
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(7.300.160.210)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4.300.000.000)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		85.402	84.361
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.299.914.598)	(7.300.075.849)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		35.995.000.000	57.569.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(48.990.000.000)	(59.455.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(12.995.000.000)	(1.886.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(53.483.585)	3.984.000
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	122.608.828	138.797.158
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	69.125.243	142.781.158

Người lập biểu



Phạm Thị Doan

Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Nghĩa

Lập ngày 05 tháng 08 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Đặng Quang Đạt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện Bắc Nà được đổi tên từ Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Toàn cầu DATC, được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 01030151480 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/01/2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102141313 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 16/09/2015. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về tên công ty, mã số doanh nghiệp, vốn điều lệ, ngành nghề đã đăng ký kinh doanh và thành phần cổ đông của công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội chuẩn y tại các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần 1 đến lần 12 ngày 26/05/2021.

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Thủy điện.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất và kinh doanh điện năng.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động của Công ty là khoảng thời gian từ khi mua nguyên vật liệu tham gia vào quy trình sản xuất đến khi chuyển đổi thành tiền hoặc tài sản dễ chuyển đổi thành tiền, thường không quá 12 tháng.

5. Nhân viên

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2021 là 17 người (Tại ngày 31/12/2020 là 24 người).

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Thông tin so sánh được trình bày theo số liệu từ Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2020 đã được soát xét và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm: Theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT - BTC ngày 26/03/2016 sửa đổi một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các tài liệu hướng dẫn có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Việc xác định các khoản tương đương tiền đảm bảo theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

- Giá trị ghi sổ: Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.
- Căn cứ trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác : Dự phòng được lập khi giá trị ghi sổ của khoản đầu tư cao hơn giá trị có thể thu hồi. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- ***Phải thu khách hàng:*** Gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua, bán.
- ***Phải thu khác:*** Gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán (như: tạm ứng để phục vụ hoạt động kinh doanh của cán bộ nhân viên, phải thu tiền điện sinh hoạt khu tập thể, phải thu BHXH, BHYT, phải thu tiền thuế TNCN của cán bộ nhân viên, tiền khoán phân xưởng, tiền lương thiếu,).

Theo dõi khoản phải thu

- Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.
- Các khoản nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi

- Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

4. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định***a) Nguyên tắc kế toán tài sản cố định hữu hình******Tài sản cố định hữu hình (TSCĐ HH)***

TSCĐ HH được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ HH là toàn bộ các chi phí Công ty phải bỏ ra để có TSCĐ tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Việc xác định nguyên giá TSCĐ HH đối với từng loại phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 về tài sản cố định hữu hình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu (chi phí nâng cấp, cải tạo, duy tu, sửa chữa...) được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ HH vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.

Khi TSCĐ HH được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Bảng cân đối kế toán và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

TSCĐ HH được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính như sau:

Nhóm TSCĐ	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Máy móc thiết bị	20 năm
Thiết bị quản lý	08 năm

Các quy định khác về quản lý, sử dụng, khấu hao TSCĐ

Các quy định khác về quản lý, sử dụng, khấu hao TSCĐ được Công ty thực hiện theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 147/2016/TT-BTC sửa đổi một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013.

5. Nguyên tắc kế toán thuế**a) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành (20%).

Căn cứ Quy định tại Luật số 32/2013/QH13, Luật số 71/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành về hưởng ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp theo dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, Công ty được Cục thuế Tỉnh Lào Cai xác định ưu đãi theo Công văn số 2809/CT-TTHT ngày 17/08/2015 như sau:

- Áp dụng thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi có doanh thu từ dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế;
- Miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế.

Năm 2017 là năm đầu tiên Công ty phát sinh doanh thu và có thu nhập chịu thuế với dự án Nhà máy Thủy điện Bắc Nà; năm 2020 là năm đầu tiên Công ty phát sinh doanh thu và có thu nhập chịu thuế với dự án Nhà máy Thủy điện Bắc Nà 1.

b) Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng, bao gồm:

Loại chi phí

Chi phí thuê đất và đền bù giải phóng mặt bằng

Chi phí bảo dưỡng thiết bị và chi phí khác

Thời gian phân bổ

Theo thời gian sử dụng đất

12 tháng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải trả người bán:** Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản.
- **Phải trả khác:** Gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ (như: phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ, tiền khoản phân xưởng, tiền ủng hộ, ...).

Theo dõi các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải trả ngắn hạn, khoản phải trả có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn giá trị phải thanh toán.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong kỳ là chi phí lãi vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh (trừ các trường hợp vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay").

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc kỳ tài chính trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng, bao gồm các khoản: chi phí lãi vay, chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ chưa có hóa đơn.

Cơ sở xác định các loại chi phí phải trả

- *Trích trước chi phí lãi tiền vay phải trả trong trường hợp vay:* Căn cứ số dư nợ gốc, thời hạn, lãi suất áp dụng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a) Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Phản ánh số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

b) Nguyên tắc ghi nhận quỹ đầu tư phát triển

Theo quy định tại Điều lệ Công ty, việc trích và sử dụng Quỹ đầu tư phát triển như sau:

Mục đích sử dụng: Đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Thẩm quyền ra quyết định trích lập và sử dụng quỹ: Đại hội đồng cổ đông.

c) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận chưa phân phối được theo dõi chi tiết theo kết quả hoạt động kinh doanh của từng kỳ tài chính (kỳ trước, kỳ này), đồng thời theo dõi chi tiết theo từng nội dung phân chia lợi nhuận (trích lập các quỹ, bổ sung Vốn đầu tư của chủ sở hữu, chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông).

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán điện**

Doanh thu bán điện thương phẩm được ghi nhận căn cứ vào hồ sơ xác nhận sản lượng điện năng phát vào lưới điện quốc gia và đơn giá áp dụng theo biểu giá chi phí tránh được do Bộ Công thương ban hành hằng năm.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi.

Lãi tiền gửi: Được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Công ty không phát sinh khoản ghi giảm giá vốn hàng bán trong năm.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính.

Chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay

Chi phí lãi vay kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong kỳ.

15. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là các chi phí quản lý chung, gồm chi phí lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch và số dư với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh số VII.2

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền mặt	-	7.276.777
Tiền gửi ngân hàng	69.125.243	115.332.051
Cộng	69.125.243	122.608.828

2. Các khoản đầu tư tài chính**2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Ngắn hạn						
TG kỳ hạn 12 tháng	13.800.000.000	-	13.800.000.000	9.500.000.000	-	9.500.000.000
Cộng	13.800.000.000	-	13.800.000.000	9.500.000.000	-	9.500.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn cuối kỳ là tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk, cụ thể:

- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 502/2021/6837 ngày 16/03/2021 số tiền gửi 4.300.000.000 VND ngày kỳ hạn 12 tháng với lãi suất tiền gửi 4,9% trên cơ sở 1 năm.

- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 502/2019/28694 ngày 13/12/2019 số tiền gửi 9.500.000.000 VND được tái tục ngày kỳ hạn 12 tháng với lãi suất tiền gửi 4,9% trên cơ sở 1 năm.

Hai hợp đồng trên đang được cầm cố cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo hợp đồng số 10.94.0004/2020-HĐCVHM/NHCT502-BACNA ngày 25/09/2020.

3. Phải thu khách hàng**3.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc (EVN)	10.878.185.922	7.880.901.840
Cộng	10.878.185.922	7.880.901.840

4. Trả trước cho người bán**4.1 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công ty Cổ phần Sông Đà 505	-	471.810.900
Công ty Cổ phần Ehula	20.000.000	20.000.000
Trung tâm dịch vụ NN huyện Bắc Nà	-	54.000.000
Cộng	20.000.000	545.810.900

4.2 Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Xem thuyết minh VII.2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

5. Phải thu khác**5.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	30.000.000	-	27.429.112	-
Tiền lãi dự thu	316.835.343	-	24.231.507	-
Phải thu EVN tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	908.969.600	-	-	-
Các khoản khác	7.298.006	-	-	-
Cộng	1.263.102.949	-	51.660.619	-

6. Chi phí trả trước**6.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Chi phí bảo dưỡng thiết bị	88.000.000	-
Chi phí thuê kênh	62.910.000	-
Chi phí quan trắc lún	51.320.455	-
Các khoản khác	89.324.200	67.000.000
Cộng	291.554.655	67.000.000

6.2 Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền thuê đất chờ phân bổ	1.057.295.438	1.057.295.438
- Dự án thủy điện Bắc Nà	927.209.206	927.209.206
- Dự án thủy điện Bắc Nà 1	130.086.232	130.086.232
Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng	11.771.005.262	13.114.518.408
- Dự án thủy điện Bắc Nà	10.214.128.760	11.491.156.077
- Dự án thủy điện Bắc Nà 1	1.556.876.502	1.623.362.331
Cộng	12.828.300.700	14.171.813.846

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, trang thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					-
Số dư tại 01/01/2021	325.947.905.434	173.279.795.629	689.090.909	61.408.000	499.978.199.972
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2021	325.947.905.434	173.279.795.629	689.090.909	61.408.000	499.978.199.972
Khấu hao lũy kế					-
Số dư tại 01/01/2021	46.458.940.391	29.692.425.567	452.215.894	61.408.000	76.664.989.852
Khấu hao trong kỳ	6.518.958.108	4.331.994.888	43.068.180	-	10.894.021.176
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2021	52.977.898.499	34.024.420.455	495.284.074	61.408.000	87.559.011.028
Giá trị còn lại					-
Số dư tại 01/01/2021	279.488.965.043	143.587.370.062	236.875.015	-	423.313.210.120
Số dư tại 30/06/2021	272.970.006.935	139.255.375.174	193.806.835	-	412.419.188.944

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:

61.408.000 đồng

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ đã dùng thể chấp, cầm cố, đảm bảo khoản vay:

412.225.382.105 đồng

8. Phải trả người bán**8.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Sông Đà 505	258.546.275	258.546.275	-	-
Công ty TNHH Hoàng Liên Sơn	-	-	12.636.364	12.636.364
Cộng	258.546.275	258.546.275	12.636.364	12.636.364

8.2 Phải trả người bán là các bên liên quan

Xem thuyết minh VII.2.

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**9.1 Thuế phải nộp**

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	692.717.274	3.863.938.599	3.581.272.042	975.383.831
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	562.484.573	-	562.484.573
Thuế thu nhập cá nhân	43.873.578	92.846.199	115.119.777	21.600.000
Thuế tài nguyên	243.311.564	1.730.482.505	1.479.401.166	494.392.903
Thuế, phí, lệ phí khác	-	829.336.000	829.336.000	-
Cộng	979.902.416	7.079.087.876	6.005.128.985	2.053.861.307

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Thuế GTGT

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

10. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Lương	231.897.644	867.714.578
Cộng	<u>231.897.644</u>	<u>867.714.578</u>

11. Chi phí phải trả**11.1 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Trích trước chi phí lãi vay phải trả	280.142.022	2.096.391.558
Chi phí quản lý vận hành nhà máy	401.970.998	-
Cộng	<u>682.113.020</u>	<u>2.096.391.558</u>

12. Phải trả khác**12.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Kinh phí công đoàn	37.778.785	48.720.436
Phí dịch vụ môi trường rừng	436.631.868	541.963.008
Tạm ứng bồi thường thiệt hại do mưa lũ	73.470.000	73.470.000
Phải trả khác	2.075.549	16.000.000
Cộng	<u>549.956.202</u>	<u>680.153.444</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

13. Vay và nợ thuê tài chính**13.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	11.845.000.000	11.845.000.000	35.995.000.000	34.390.000.000	13.450.000.000	13.450.000.000
Ông Đặng Quang Đạt	2.700.000.000	2.700.000.000	-	2.700.000.000	-	-
Ông Đồng Tuấn Vũ	-	-	1.500.000.000	1.500.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 505	-	-	1.900.000.000	1.900.000.000	-	-
NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đắk Lắk (i)	9.145.000.000	9.145.000.000	32.595.000.000	28.290.000.000	13.450.000.000	13.450.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	30.700.000.000	30.700.000.000	16.000.000.000	14.600.000.000	32.100.000.000	32.100.000.000
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam BIDV - CN Thanh Xuân	30.700.000.000	30.700.000.000	16.000.000.000	14.600.000.000	32.100.000.000	32.100.000.000
- Dự án Bắc Nà (ii)	27.500.000.000	27.500.000.000	14.000.000.000	13.000.000.000	28.500.000.000	28.500.000.000
- Dự án Bắc Nà 1 (iii)	3.200.000.000	3.200.000.000	2.000.000.000	1.600.000.000	3.600.000.000	3.600.000.000
Cộng	42.545.000.000	42.545.000.000	51.995.000.000	48.990.000.000	45.550.000.000	45.550.000.000

13.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam BIDV - CN Thanh Xuân	219.210.109.978	219.210.109.978	-	16.000.000.000	203.210.109.978	203.210.109.978
- Dự án Bắc Nà (ii)	164.410.109.978	164.410.109.978	-	14.000.000.000	150.410.109.978	150.410.109.978
- Dự án Bắc Nà 1 (iii)	54.800.000.000	54.800.000.000	-	2.000.000.000	52.800.000.000	52.800.000.000
Cộng	219.210.109.978	219.210.109.978	-	16.000.000.000	203.210.109.978	203.210.109.978

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

(i) Khoản vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo hợp đồng số 10.94.0004/2020-HĐCVHM/NHCT502-BACNA ngày 25/09/2020 và văn bản sửa đổi bổ sung ngày 18/03/2021. Hạn mức cho vay tối đa là 13.800.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất quy định tại từng văn bản nhận nợ; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh điện. Tài sản đảm bảo là hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 19.40.1312/HĐBĐ/NHCT502 ngày 25/12/2019 và hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 21.94.0004/HĐBĐ/NHCT502 ngày 17/03/2021.

(ii) Khoản vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân theo hợp đồng số 01/2014/1513776/HĐTD ngày 09/10/2014. Số tiền vay tối đa: 319.195.000.000 đồng; thời hạn vay 144 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn tối đa 3 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên; lãi suất quy định tại từng văn bản nhận nợ; mục đích vay: thanh toán các chi phí đầu tư Dự án xây dựng nhà máy thủy điện Bắc Nà do Công ty làm chủ đầu tư tại huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư từ vốn vay và vốn tự có Nhà máy thủy điện Bắc Nà và thế chấp các quyền thụ hưởng của chủ đầu tư dự án về các hợp đồng bảo hiểm, quyền khai thác tài nguyên, quyền sử dụng đất,...; quyền góp vốn của các cổ đông sáng lập vào công ty và các tài sản đảm bảo khác (nếu có).

(iii) Khoản vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân theo hợp đồng số 01/2019/1513776/HĐTD ngày 25/07/2019. Số tiền gốc vay tối đa: 59.000.000.000 đồng; thời hạn vay là 132 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn gốc là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên; lãi suất quy định tại từng văn bản nhận nợ, mục đích vay: thanh toán các chi phí đầu tư, mua sắm, xây dựng và các khoản chi phí hợp lý khác cho việc thực hiện Dự án xây dựng nhà máy thủy điện Bắc Nà 1. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và các bất động sản khác của Dự án, các công trình Dự án; máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, các động sản khác, các tài khoản, các quyền tài sản và các quyền theo các hợp đồng của Công ty liên quan đến Dự án theo hợp đồng thế chấp bất động sản, hợp đồng thế chấp động sản và quyền tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

14. Vốn chủ sở hữu**14.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu kỳ năm	155.000.000.000	4.266.117.962	9.504.513.665	168.770.631.627
Tăng vốn trong kỳ năm	-	-	-	-
Lãi trong kỳ năm	-	-	19.055.466.188	19.055.466.188
Số dư cuối năm trước	155.000.000.000	4.266.117.962	28.559.979.853	187.826.097.815
Số dư đầu kỳ này	155.000.000.000	4.266.117.962	28.559.979.853	187.826.097.815
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	9.774.876.172	9.774.876.172
Số dư cuối kỳ này	155.000.000.000	4.266.117.962	38.334.856.025	197.600.973.987

14.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công ty Cổ phần Sông Đà 505	79.329.360.000	79.329.360.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Ngọc	75.438.640.000	75.438.640.000
Cổ đông khác	232.000.000	232.000.000
Cộng	155.000.000.000	155.000.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	155.000.000.000	155.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	155.000.000.000	155.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia trong kỳ	-	-

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.500.000	15.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	15.500.000	15.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.500.000	15.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.500.000	15.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.500.000	15.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

14.3 Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Quỹ đầu tư phát triển	4.266.117.962	4.266.117.962

Mục đích trích lập quỹ

Quỹ đầu tư phát triển: Được sử dụng cho việc đầu tư mở rộng các hoạt động kinh doanh trong tương lai như đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác, mua sắm TSCĐ, XDCB, nghiên cứu và phát triển, đào tạo và cải thiện môi trường làm việc.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán điện	42.634.277.609	36.248.757.778
Cộng	42.634.277.609	36.248.757.778

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn sản xuất điện	18.535.553.444	16.405.717.629
Cộng	18.535.553.444	16.405.717.629

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	292.689.238	610.906.279
Cộng	292.689.238	610.906.279

4. Chi phí tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền vay	10.781.937.668	13.878.680.568
Cộng	10.781.937.668	13.878.680.568

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	299.029.002	619.776.660
Chi phí khấu hao TSCĐ	43.068.180	43.068.180
Thuế, phí và lệ phí	8.622.908	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	401.970.998	145.674.463
Chi phí bằng tiền khác	244.280.141	376.949.952
Cộng	996.971.229	1.185.469.255

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

6. Chi phí khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí khác phục sự cố sạt lở đường thủy điện Bắc Nà	2.275.143.761	-
Cộng	2.275.143.761	-

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	36.304.546
Chi phí nhân công	1.851.642.811	2.052.125.305
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	10.894.021.176	10.333.165.490
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.815.738.039	1.767.189.229
Chi phí khác bằng tiền	4.971.122.647	3.402.402.314
Cộng	19.532.524.673	17.591.186.884

8. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	562.484.573	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	562.484.573	-

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là bảng chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong kỳ của Công ty:

	Dự án Bắc Nà	Dự án Bắc Nà 1	Tổng
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế	11.249.691.460	(912.330.715)	10.337.360.745
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán	-	1.549.295.703	1.549.295.703
Các khoản điều chỉnh tăng	-	1.549.295.703	1.549.295.703
Chi phí lãi vay không được trừ	-	1.549.295.703	1.549.295.703
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ này	11.249.691.460	636.964.988	11.886.656.448
Thuế suất	10%	10%	10%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.124.969.146	63.696.499	1.188.665.645
Thuế TNDN được miễn, giảm	(562.484.573)	(63.696.499)	(626.181.072)
Thuế TNDN phải trả ước tính kỳ hiện hành	562.484.573	-	562.484.573

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

9. Lãi/ lỗ cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.774.876.172	5.389.796.605
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	9.774.876.172	5.389.796.605
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong kỳ	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (*)	15.500.000	15.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	631	348

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được xác định như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu kỳ	15.500.000	15.500.000
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm lưu hành bình quân trong kỳ	-	-
Trừ: Số lượng cổ phiếu quỹ mua lại bình quân trong kỳ	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	15.500.000	15.500.000

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Nghị Quyết Đại hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2021 số 19/NQ-ĐHCĐ ngày 28/06/2021 của Công ty đã thông qua việc hủy đăng ký công ty đại chúng, hủy niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội do không đủ số lượng cổ đông. Công ty đã hoàn thiện các thủ tục theo quy định. Ngày 14/07/2021, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có quyết định số 3595/UBCK-GSĐC về hủy tư cách công ty đại chúng của Công ty.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

2.1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

<u>Nội dung</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Ông Đặng Quang Đạt	Chủ tịch HĐQT		
Trả nợ vay		2.700.000.000	-
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Ủy viên HĐQT		
Trả nợ vay		-	7.900.000.000
Ông Đồng Tuấn Vũ	Giám đốc Công ty TNHH Sản xuất và Thương Mại Minh Ngọc		
Vay		1.500.000.000	-
Trả nợ vay		1.500.000.000	-
Trả lãi vay		12.016.438	-

Thù lao, lương, thưởng và các khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty phát sinh trong kỳ, chi tiết như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Hội đồng quản trị		
Ông Đặng Quang Đạt - Chủ tịch HĐQT	60.000.000	66.000.000
Ông Đỗ Tô Hiệu - Ủy viên HĐQT	36.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Sơn - Ủy viên HĐQT	36.000.000	12.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Bình- Ủy viên HĐQT	-	60.000.000
Ban Tổng Giám đốc		
Ông Lê Văn Khánh - Tổng Giám đốc	25.730.000	123.919.615

Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, số dư phải thu, phải trả với các cá nhân trên như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Ông Đặng Quang Đạt		
Vay và nợ thuê tài chính	-	2.700.000.000
Chi phí lãi vay phải trả	-	1.270.138.630

2.2 Các bên liên quan khác

Danh sách các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Sông Đà 505	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Ehula	Công ty con cùng công ty mẹ
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Ngọc	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần ANI	Cùng chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư ANZEN	Cùng chủ tịch HĐQT

Giao dịch với các bên liên quan này trong kỳ cụ thể như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Công ty Cổ phần Sông Đà 505		
Mua hàng hóa, dịch vụ xây lắp, thi công công trình	2.283.921.761	8.464.756.068
Mua vật tư, CCDC	33.797.691	-
Lãi cho vay	13.736.438	-
Vay	1.900.000.000	2.600.000.000
Trợ nợ vay	1.900.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

<u>Bên liên quan</u>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Ngọc		
Vay	-	8.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư ANZEN		
Mua dịch vụ (bảo dưỡng thiết bị)	176.000.000	-
Vay	-	1.800.000.000
Trợ nợ vay	-	1.800.000.000

Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Công ty Cổ phần Sông Đà 505		
Trả trước người bán	-	471.810.900
Phải trả người bán	258.546.275	-
Công ty Cổ phần Ehula		
Trả trước người bán	20.000.000	20.000.000

Chính sách giá cả đối với các giao dịch giữa Công ty và các bên liên quan khác

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận giữa hai bên.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được trình bày theo số liệu từ Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2020 đã được soát xét và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán.

Lập ngày 05 tháng 08 năm 2021

Người lập biểu

Phạm Thị Doan

Kế toán trưởng

Nguyễn Đình Nghĩa

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Đặng Quang Đạt

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO
BDO Audit Services Company Limited

Head office:

20th Floor, Icon 4 tower
243A De La Thanh St,
Dong Da Dist, Hanoi, Vietnam
Tel: +84 (0) 24 3783 3911/12/13
Fax: +84 (0) 24 3783 3914
Email: bdo.hn@bdo.vn

Ho Chi Minh branch:

1st Floor, Indochina Park Tower,
4 Nguyen Dinh Chieu Street,
Dist 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: +84 (0) 28 3911 0033
Fax: +84 (0) 28 3911 7439
Email: bdo.hcm@bdo.vn

www.bdovietnam.vn

BDO Audit Services Co.,Ltd, a limited liability company incorporated in Vietnam, is a member of BDO International Limited, a UK company limited by guarantee, and forms part of the InternationalBDO network of independent member firms. BDO is the brand name for the BDO International network and for each of the BDO Member Firms.